

Số: 1238/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 22 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – tổng dự toán
công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu trung tâm Trung Trữ,
huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Hoa Lư tại Tờ trình số 242/TTr-UBND ngày 07/9/2016 và Kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 532/SXD-HĐXD ngày 27/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – tổng dự toán công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu trung tâm Trung Trữ, huyện Hoa Lư, với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu trung tâm Trung Trữ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Hoa Lư.

3. Tổ chức tư vấn thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán: Viện quy hoạch xây dựng Ninh Bình.

4. Chủ nhiệm lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán: Ths. KTS. Đinh Tuấn Trường.

5. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:

5.1 Khảo sát

- Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình TCXDVN 364-2006;

- Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung TCXDVN 9398-2012.

5.2. Thiết kế

a) Tiêu chuẩn thiết kế công trình giao thông:

- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCXDVN 104 – 2007;

- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054-2005;
- Quy trình Thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn 22TCN18-79 (dùng để thiết kế cống);
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2012;
- Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012;
- Quy trình thi công và nghiệm thu lớp CPĐD trong kết cấu áo đường ô tô TCVN 8859-2011.

b) Tiêu chuẩn thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Tiêu chuẩn Quốc gia thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài TCVN 7957:2008;
- Tiêu chuẩn thiết kế cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình TCXDVN 33:2006;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện, QCVN: QTĐ-7:2008/BCT.

c) Tiêu chuẩn thiết kế công trình thủy lợi:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thành phần, nội dung hồ sơ thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công công trình thủy lợi QCVN 04-02:2010/BNNPTNT.

5.3. Các Quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan.

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

6.1. Hệ thống đường giao thông nội bộ:

a) Hướng tuyến

Thiết kế trên cơ sở tuân thủ theo hướng tuyến được UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm Trung Trữ, huyện Hoa Lư tại Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 03/12/2015. Cụ thể như sau:

- Tuyến 01: Đầu tuyến nút N1, cuối tuyến nút N4 giao với tuyến 04 có tổng chiều dài đoạn tuyến $L = 194,2\text{m}$;
- Tuyến 02: Đầu tuyến nút N2, cuối tuyến nút N7 giao với đường gom 477 có tổng chiều dài đoạn tuyến $L = 344,5\text{m}$;
- Tuyến 03: Đầu tuyến nút N3, cuối tuyến nút N8 giao với đường gom 477 có tổng chiều dài đoạn tuyến $L = 298,4\text{m}$;
- Tuyến 04: Đầu tuyến nút N4 giao với tuyến 01, cuối tuyến nút N5 giao với tuyến 02 có tổng chiều dài đoạn tuyến $L = 92,3\text{m}$.

b) Thiết kế trắc dọc, trắc ngang

- Quy mô mặt cắt ngang các tuyến: $B_n = (4,0 + 7,0 + 4,0)\text{m} = 15,0\text{m}$, trong đó:
 - + Chiều rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$;
 - + Chiều rộng vỉa hè: $B_{\text{vỉa hè}} = 2 \times 4,0\text{m} = 8,0\text{m}$;
 - + Độ dốc ngang mặt đường: $I_m = 2\%$;
 - + Độ dốc vỉa hè đường: $I_{\text{hè}} = 1\%$;
 - + Độ dốc mái taluy: Taluy đào: 1/1, Taluy đắp: 1/1,5.
- Cao độ tim đường (+2.80)m;

c) Thiết kế nền đường

- Trước khi đắp nền, tiến hành đào bỏ lớp bùn dày trung bình 0,5m và đắp trả bằng đất đồi đầm chặt K95, sau đó tiến hành đắp từng lớp nền bằng đất đồi dày 0,3m. Riêng 50cm lớp đất dưới kết cấu áo đường đầm chặt $K \geq 0,98$.

d) Thiết kế mặt đường

- Kết cấu mặt đường áp dụng cho các đoạn tuyến như sau:

- + Lớp bê tông mặt đường XM đá 1x2 mác 300 dày 20cm;
- + Lớp giấy dầu tạo phẳng
- + Lớp móng đường bằng cấp phối đá dăm loại II dày 18cm sau lu lèn;
- + Đất đồi đầm chặt $K \geq 0,98$ dày 50cm;
- + Đất đồi đắp nền $K=0,95$.

- Kết cấu bo vỉa: Hè được bo vỉa bằng bê tông đá 1x2 mác 200 kích thước 180x300x1000. Tại các vuốt cung đường sử dụng tấm bo vỉa kích thước 180x300x370.

- Kết cấu vỉa hè: Lớp gạch tự chèn dày 3,5cm; Lớp cát vàng tạo phẳng dày 3,0cm; Lớp cấp phối đá dăm dày 10cm.

e) Hệ thống biển báo giao thông: Bố trí 03 cột biển báo số 208 (Giao nhau với đường ưu tiên) tại các nút giao N1, N2, N3 với đường WB để đảm bảo an toàn giao thông.

6.2. Hồ điều hòa:

- Diện tích mặt nước 16.435,89 m², chiều sâu đào hồ trung bình 1,4m; Tường kè quanh hồ bằng đá hộc xây vữa M75 miết mạch cầm quy; Chiều cao kè 3,1m; đáy kè rộng 1,5m cao 0,5m; thân kè cao 3,1m; Gia cố nền móng tường kè bằng cọc tre, dài 2,5m/cọc, mật độ 25 cọc/m²; Lan can tường kè quanh hồ bằng đá chiều dài 496m, cao 0,88m, trụ đá kích thước 350x350, khoảng cách bố trụ 2,5m/trụ.

- Đường dạo:

- + Tổng diện tích lát đá đường dạo xung quanh hồ điều hòa: 4.560 m²;
- + Mặt cắt ngang đường dạo: 5m.

+ Kết cấu đường dạo: Lớp đá xanh Thanh Hóa kích thước 400x400x50; Lớp bê tông đá 1x2 M200 dày 10cm; Lớp cấp phối đá dăm loại I, dày 18cm;

+ Nền đường dạo bằng đất đồi đầm chặt $K=0,90$.

- Diện tích cây xanh 12.516 m², xây bó vỉa bồn hoa đổ đất màu trồng cỏ, cây bóng mát đường kính thân cây 30cm

- Kích thước móng bo vỉa: Rộng 3,3m, cao 0,6m; Thân bo vỉa rộng 220mm cao 135mm xây gạch tuynel 2 lỗ vữa xi măng mác 50, trát vữa xi măng mác 75 dày 15mm, lót móng đá 4x6 vữa xi măng mác 100 dày 100mm.

6.3. Khu vực Sân thể thao:

- Xây dựng 02 Sân tennis với diện tích mỗi sân 534,9 m² chiều dài 35,9m chiều rộng 14,9m (tính phủ bì), cụ thể:

+ Tường rào thép cao 5,65m bao quanh sân bằng lưới thép B40 bọc nhựa, khung thép ống D50, cột trụ dùng thép ống tròn mạ kẽm D100. Móng cột kích thước đáy

móng 400x400 cao 950mm; bê tông lót đá 4x6 mác 100 dày 100mm.

+ Kết cấu nền sân: Đệm cát hạt trung dày 60cm; Lớp bê tông đá 4x6 mác 100 dày 20cm; Lớp bê tông đá 1x2 mác 200 dày 15cm; Lớp bê tông atphan dày 8cm;

+ Kết cấu đường bit quanh sân: Gia cố nền đất đá chân núi dày 400mm; Lớp bê tông đá 4x6 mác 100 dày 20cm; Lớp bê tông đá 1x2 mác 200 dày 15cm; Lớp bê tông atphan dày 8cm;

+ Kết cấu mặt sân: Lớp Acrylic Patch Binder tạo phẳng; Lớp bám dính Acrylic Primer; 02 Lớp sơn lót màu đen Acrylic Resurface; 01 Lớp giảm chấn Decocolor; 03 Lớp sơn màu Decoturf; Lớp kẻ đường line mặt sân bằng sơn Decoturf.

- Diện tích sân bóng đá 6.912 m², mặt sân bóng đá đổ cát đen dày 250mm trên lớp đất tôn nền.

- Sân, đường bê tông xi măng khu thể thao có diện tích: 8.778 m². Kết cấu: Lớp bê tông đá 1x2 M200 dày 100mm; Lớp cấp phối đá dăm loại I dày 180mm; Lớp đất đồi đầm chặt K=0,85.

- Khu vực đất cây xanh có diện tích 10.122 m², đổ đất màu trồng cỏ dày 200mm trên lớp đất tôn nền, trồng cây bóng mát đường kính thân cây 30cm.

- Khu vực sân nền đất có diện tích 6.307m². Kết cấu: Sân đất đồi đầm chặt K95 dày 280mm; Lớp đất đồi tôn nền đầm chặt K85.

- Khu đất hành lang an toàn điện có diện tích 5.727m². Kết cấu: Trồng cỏ, cây bụi; lớp đất màu; lớp đất tôn nền đầm chặt K85.

6.4. Thiết kế san nền:

- Công tác san nền trong phạm vi các lô đất được thực hiện trên nền tự nhiên của khu đất là khu đất trồng lúa hiện hữu của nhân dân, có cao độ tự nhiên trung bình khoảng +0,7m.

- Phạm vi san nền của từng lô đất được tạo bởi chỉ giới đường đỏ của từng lô

- Cao độ san nền được căn cứ vào cao độ hoàn thiện của khu đất:

+ Cao độ san nền hoàn thiện H = 2,62 m.

+ Cao độ đào đáy hồ điều hòa H = - 0,7m.

- Vật liệu san nền bằng đất đồi đầm chặt K=0,85 theo từng lớp, mỗi lớp 30cm. Tận dụng đất đào hồ, bóc lớp thực vật để đắp vào khu cây xanh.

6.5. Nạo vét kênh Đồng Vang dưới, cống hộp qua đường trên kênh Đồng Vang dưới:

- Xây cống hộp qua kênh Đồng Vang đầu tuyến N4:

+ Chiều dài cống 10m; cửa cống 2 bên mỗi bên dài 2,18m; thành cống mỗi bên rộng 0,5m.

+ Cao độ mặt trên cống +2,5m; cao độ đáy móng -1,9m;

+ Cắt ngang: Rộng 10,4m; cao 3,9m (phần chiều cao cống hộp BTCT) gồm 3 cửa thoát với kính thước thông thủy cửa (3x3)m;

+ Kết cấu: Móng cọc bê tông cốt thép đá 1x2 mác 250 tiết diện cọc 250x250 với chiều sâu dự kiến 15m. Đài móng liên kết với đáy cống. Cống BTCT: Đáy cống dày 500 bê tông lót đá 4x6 mác 100 dày 100mm; nắp dày 400mm; thành hai bên dày 400mm; vách giữa dày 300mm vật liệu bê tông cốt thép đá 1x2 mác 250.

+ Hai bên cửa thoát nước đổ bê tông vát mái dày 400mm rộng 2,18m vị trí kéo dài thành bên cửa cống, đáy cửa thoát đổ bê tông cốt thép dày 500mm nổi dài phần đáy cống với cao độ mặt -1,3m.

+ Từ cửa thoát nước lát đá hộc vữa xi măng mác 100 dày 300; bê tông lót đá 4x6 mác 100 dày 100mm. Kích thước sân $(2 \times 14,3 \times 3) \text{m}^2 = 85,8 \text{m}^2$ (2 bên) với cao độ mặt trên -1,3m.

- Tổng chiều dài kênh nạo vét $L=347\text{m}$; $B_{\text{đáy}}=6\text{m}$; ta luy mái 1/1,5; Khối lượng nạo vét $2.374,54 \text{m}^3$.

6.6. Cấp điện cho khu dân cư, trang trí vỉa hè, khu cây xanh, sân thể thao:

6.6.1. Đường dây 22kV

- Nguồn cấp: Đường dây 10kV lộ 972 trung gian Trảng An.

- Điểm đầu: Vị trí cột số 36.7 đường dây 10kV lộ 972 trung gian Trảng An.

- Điểm cuối: Trạm biến áp 180kVA - 10(22)/0,4kV dự kiến xây dựng.

- Đường dây 22kV (hiện tại vận hành cấp điện áp 10kV) được xây dựng theo kiểu đường dây nổi trên không có chiều dài 216m, sử dụng cáp cách điện hạn chế loại AsXV- 70mm² - 24kV. Xây dựng mới 04 vị trí cột sử dụng cột bê tông ly tâm, trong đó có 02 vị trí cột đôi 2LT-14B và 02 vị trí cột đơn LT-14B. Móng cột sử dụng móng bê tông không giắt cáp loại MT-14 và MTK-14; bê tông thân móng đá 2x4 mác M150#, bê tông lót móng đá 4x6 mác M100#, tấm đan lót móng bê tông cốt thép đá 1x2 mác M200# thép CT3-Φ10. Cách điện sử dụng sứ đứng VHD- 24 kV và sứ chuỗi Polime-silicon 24kV đủ tiêu chuẩn kỹ thuật. Xà chế tạo từ các loại thép hình và được mạ kẽm.

- Nối đất sử dụng loại tiếp địa RC-2, cọc nối đất L63x63x6 có chiều dài $L=1,5\text{m}$, điện trở tiếp đất phải đạt trị số theo quy định.

6.6.2. Trạm biến áp 180kVA-10(22)/0,4kV

- Trạm biến áp xây dựng theo kiểu trạm treo ngoài trời, các thiết bị đóng cắt, bảo vệ và máy biến áp được lắp đặt trên 02 cột bê tông ly tâm LT-12C. Móng cột sử dụng loại móng ngấn không giắt cáp kiểu chống lật, bê tông mác M150#, đá 2x4 đổ trực tiếp không cốt thép, tấm đan bê tông cốt thép mác M200# chống tụt. Bảo vệ ngắn mạch phía trung áp sử dụng cầu chì tự rơi SI-24kV. Bảo vệ chống sét, quá điện áp khí quyển phía trung áp sử dụng chống sét van ZNO-24kV, phía hạ áp sử dụng chống sét GZ-500V. Tủ hợp bộ 600V-300/5A bao gồm các thiết bị: Áp tô mát tổng 600V-300A, 03 áp tô mát lộ 600V-100A, 01 bộ biến dòng điện 600V-300/5A, 01 bộ biến dòng điện 600V-200/5A, 03 ampe kế 300/5A, 01 vôn mét thang đo 0-600V, công tơ hữu công loại 220/380V-3x5A, bộ thanh cái đồng 3 pha. Cáp mặt máy sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC 3x120+1x70mm².

- Hệ thống nối đất kiểu nối đất hỗn hợp cọc và thanh, sử dụng 08 cọc nối đất L63x63x6 có chiều dài $L= 2\text{m}$. Điện trở nối đất yêu cầu phải đạt trị số $R_{\text{nd}} \leq 4\Omega$. Nếu không đạt trị số điện trở tiếp đất trên thì phải đóng thêm cọc tiếp địa.

6.6.3. Đường dây 0,4kV

- Xây dựng mới 01 lộ xuất tuyến đường dây 0,4kV được cấp nguồn từ trạm biến áp 250kVA-10(22)/0,4kV hiện có cấp điện cho khu dân cư khu trung tâm Trung Trữ giai đoạn 1. Dây dẫn sử dụng cáp vặn xoắn AL/XLPE 4x50mm². Xây dựng mới

10 vị trí cột trong đó có 06 vị trí cột đơn loại LT-8,5B và 04 vị trí cột đôi 2LT-8,5B. Móng cột sử dụng móng bê tông, không cấp loại MT-8,5 và MTK-8,5 bê tông thân móng đá 2x4 mác M150#, bê tông lót móng đá 4x6 mác M100#. Các phụ kiện lắp đặt cáp vặn xoắn như: kẹp hãm, móc treo, đai thép,... phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Nối đất sử dụng tiếp địa lắp lại loại RC-1, cọc nối đất L63x63x6 có chiều dài $L = 1,5\text{m}$, điện trở tiếp đất phải đạt trị số theo quy định.

6.6.4. Hệ thống chiếu sáng

- Lắp đặt mới 18 điểm chiếu sáng đơn với tổng công suất là 1,35kW.

- Điều khiển hệ thống chiếu sáng từ tủ điều khiển chiếu sáng tự động. Toàn tuyến chiếu sáng được lắp đặt 01 tủ điều khiển chiếu sáng 100A- 600V có 02 lộ ra. Tủ chiếu sáng được lắp đặt trên thân cột trạm biến áp 180kVA-10(22)/0,4kV Trung Trữ xây dựng mới. Đường dây cấp nguồn cho tủ điều khiển hệ thống chiếu sáng xây dựng mới sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC 3x16+1x10mm² - 0,6/1kV có chiều dài 8m. Đèn chiếu sáng sử dụng loại đèn LED 75W mã LED Halumos- 75W -OP - DIM. Cột đèn sử dụng cột thép bát giác cao 9m liền cần đơn.

- Cấp cáp nguồn cho các điểm chiếu sáng sử dụng cáp ngầm hạ thế Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x6+1x4mm² có chiều dài 740m, cáp lên đèn sử dụng cáp đồng Cu/XLPE/PVC 2x1,5mm². Cấp cáp nguồn được đi trong rãnh cáp dọc theo đường và hồ điều hòa và được lắp đặt trong ống nhựa xoắn HDPE Φ65 có đổ cát đen, đất và đầm chặt. Tại những đoạn cáp qua đường cáp được luồn bổ sung trong ống thép mạ kẽm Φ90.

- Để đảm bảo an toàn, tất cả các cột đèn chiếu sáng có lắp tiếp địa loại RC-1; tủ điều khiển hệ thống chiếu sáng được lắp tiếp địa với hệ thống tiếp địa trạm biến áp. Cọc tiếp địa dùng loại thép hình L63x63x6 dài 1,5m, thanh nối đất dùng thép tròn Φ10 và hệ thống dây đồng trần M10 nối tiếp địa liên hoàn. Điện trở tiếp đất phải đạt trị số theo quy định.

6.7. Cấp nước: Thiết kế cấp nước với công suất 150 m³/ngày đêm; Ống cấp nước chính dùng ống HDPE D110 có $L = 305\text{m}$, D90 có $L = 837\text{m}$; Ống nhánh cấp nước dùng ống HDPE D63, $L = 205\text{m}$, các đoạn qua đường sử dụng ống lồng thép đen bên ngoài với tổng chiều dài 36m, trụ cứu hỏa DN100 gồm 10 cái.

6.8. Thoát nước:

a) Thoát nước mặt

- Toàn bộ hệ thống nước mặt và nước mưa sẽ được thu qua hệ thống hố ga, cửa thu đặt tại mép hè đường và dọc phía trong tường rào đổ về hệ thống rãnh dọc và thoát ra hệ thống kênh Đồng Vang dưới. Trong đó:

+ Tuyến chính sử dụng rãnh có $B \times H_{tb} = 800 \times 800$, $L = 255\text{m}$;

+ Tuyến nhánh sử dụng rãnh có $B \times H_{tb} = 600 \times 600$, $L = 1.948\text{m}$;

+ Khu vực sân thể thao sử dụng rãnh có $B \times H_{tb} = 400 \times 400$, $L = 546\text{m}$.

- Tường rãnh xây gạch VXM 75 dày 220cm, tường trong trát VXM 75 dày 15mm; Độ dốc thiết kế $I_{\text{dmin}} = 0,13\%$; Đáy rãnh bê tông đá 2x4 mác 150 dày 100mm trên lớp đá dăm đệm dày 100mm. Nắp tấm đan BTCT đá 1x2 dày 100mm.

- Hố ga kết hợp với miệng thu nước vị trí theo trục dọc các tuyến gồm có 6 loại hố ga:

+ Hồ ga loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 gồm 37 hồ ga với kích thước bao ngoài (1,4x1,4)m, cao độ đáy hồ ga thấp hơn cao độ đáy rãnh thoát nước 300mm.

+ Hồ ga loại 5, loại 6 gồm 12 hồ ga với kích thước bao ngoài (1,94x1,94)m, cao độ đáy hồ ga thấp hơn cao độ đáy rãnh thoát nước 300mm.

+ Kết cấu: Bê tông lót móng đá dăm dày 100mm; móng bê tông đá 2x4 mác 150 dày 150mm; tường xây gạch tuynel VXM mác 75, dày 220mm, tường trát trong VXM mác 75, dày 15mm.

- Tại các vị trí qua đường bố trí cống hộp bê tông cốt thép 800x800, L=42m; cống hộp BTCT 600x600, L= 24m, bê tông đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ.

- Dùng cống tròn BTCT đúc sẵn D1000 để thoát nước từ hồ điều hòa ra kênh Đồng Vang dưới, L=220m: Móng cống bằng BTCT bê tông đá 1x2 mác 200 lắp ghép đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm;

b) Thoát nước thải

- Bố trí đường ống D200 thoát nước thải xung quanh khu vực dân cư, thu gom nước thải đổ về đường ống chính D300 thoát ra kênh Đồng Vang dưới.

- Ống D200 có tổng chiều dài 372m; ống D300 có tổng chiều dài 296m; ống cống BTCT đúc sẵn, bê tông đá 1x2 mác 200, móng cống bằng BTCT bê tông đá 1x2 mác 200 lắp ghép đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm;

6.9. Cống, tường rào:

a) Cống vào Khu trung tâm có 2 cống với vị trí theo bản vẽ định vị cống tường rào. Cống có kích thước thông thủy 5,5m. Chiều cao trụ cống 3,4m. Kết cấu cống: Móng cống móng đơn đáy rộng (1,4x1,4)m xây đá hộc vữa xi măng mác 75, bê tông lót đá 4x6 mác 100 dày 200mm. Trụ cống tròn đường kính 750mm trong đó lõi trụ cống đổ cột bê tông cốt thép mác 200 tiết diện (300x300)mm, xây bao bằng gạch đặc vữa xi măng mác 75, trát cột trụ cống vữa xi măng mác 75 dày 15mm; Quét vôi ve toàn bộ cống 1 nước lót 2 nước màu, cánh cống bằng tổ hợp thép liên kết hàn, sơn chống rỉ sau đó sơn phủ 2 lớp sơn màu.

b) Tường rào gồm hai loại tường rào thép và tường rào gạch:

- Tường rào hoa thép có chiều dài 198,8m (vị trí hai bên cống chính vào khu công viên theo mặt bằng định vị cống, tường rào). Tường rào thép cao 2,1m bố trí với khoảng cách 3,5m/trụ. Cột trụ cao 2,4m tiết diện 450x450. Kết cấu móng tường rào xây đá hộc vữa xi măng mác 75 kích thước đáy móng rộng 700mm cao 800mm; bê tông lót đá 4x6 vữa xi măng mác 100 dày 100mm. Đỉnh móng giằng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200 tiết diện 220x220. Chân tường rào xây gạch tuynel 2 lỗ dày 220mm cao 400mm vữa xi măng mác 75 phía trên ra tai 50; trát vữa xi măng mác 75 dày 15mm trên lấp hàng rào hoa thép; sơn tường rào 1 nước lót 2 nước phủ.

- Tường rào gạch có chiều dài 870,5m vị trí ở ba mặt còn lại của khu công viên. Tường cao 2,1m; trụ cao 2,4m khoảng cách 3m/trụ. Kết cấu móng tường rào xây đá hộc vữa xi măng mác 75; bê tông lót đá 4x6 vữa xi măng mác 100 dày 100mm. Đỉnh móng giằng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200 tiết diện 220x220. Thân tường rào xây gạch tuynel 2 lỗ dày 220mm vữa xi măng mác 75, trát vữa xi măng mác 75 dày 15mm. Trụ gạch tiết diện 360x360 xây gạch tuynel 2 lỗ vữa xi măng mác 75 trát vữa xi măng mác 75 dày 15mm. sơn tường rào 1 nước lót 2 nước phủ.

6.10. Nhà Quản lý:

- Nhà mái bằng 1 tầng diện tích xây dựng $223m^2$, kích thước mặt bằng (29,78 x 5,78)m tính theo tim tường. Nhà dài 29,78m gồm 8 bước gian (4,6+3x4,3+3,49+3,5+3,49+1,8)m trong đó trục 8-9 và khoảng giữa trục 1-2 chiều rộng 1,8m được dùng làm hành lang. Chiều rộng nhà 5,78m gồm 2 nhịp (4,48 + 1,3)m trong đó nhịp 1,3m được dùng làm hành lang; Chiều cao nhà 4,2m, mái tôn cao 2,0m, nền cao hơn cos sân hoàn thiện 0,45m.

- Kết cấu: Móng băng kết hợp với móng đơn trên nền đất đã san lấp. Lớp bê tông lót đá 4x6 vừa xi măng mác 100 dày 200mm; Móng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200; Tường cổ móng xây gạch chỉ dày 330mm vừa xi măng mác 75 trên giằng móng bê tông cốt thép mác 200 dày 200mm. Thân xây tường chịu lực bằng gạch tuynel 2 lỗ dày 220mm vừa xi măng mác 75; trát trong ngoài vừa xi măng mác 75 dày 15mm; Lăn sơn trong ngoài 1 nước lót 2 nước màu; Trục A (cột hiên) đỡ cột chịu lực bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200 tiết diện 220x220. Mái hành lang đỡ bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200 dày 100mm. Các phòng xây tường thu hồi, tường chắn mái; trên gác hệ xà gồ thép U80x40x3; Lợp mái tôn dày 0,42. Sàn nhà lát gạch liên doanh 400x400; sàn nhà vệ sinh lát gạch chống trơn 300x300; Cửa đi, cửa sổ pa-nô kính dày 5 ly gỗ nhóm 3; cửa sổ hoa sắt đặc 14x14.

- Bể phốt có kích thước phủ bì (2,5x2,5)m cao 1,2m. Bể được chia làm 3 ngăn. Bê tông lót đá 4x6 vừa xi măng mác 100 dày 100mm. Đáy bể đỡ bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200 dày 150mm. Tường xây gạch đặc vừa xi măng mác 100 trát trong, ngoài vừa xi măng mác 100 dày 20mm. Nắp bể phốt bằng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200 dày 100mm.

- Bể nước có kích thước phủ bì (3x3,5)m cao 2m trong đó bể cao hơn cốt sân 500. Bể nước được chia làm 2 ngăn kết cấu bể: Bê tông lót đá 4x6 vừa xi măng mác 100 dày 100mm. Đáy bể đỡ bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200 dày 150mm. Tường xây gạch đặc vừa xi măng mác 100 trát trong, ngoài vừa xi măng mác 100 dày 20mm. Nắp bể bằng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200 dày 100mm.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

8. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:

- Dự án nhóm C;
- Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

9. Tổng dự toán: 79.855.318.000 đồng.

(Bảy mươi chín tỷ, tám trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm mười tám nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí Xây dựng: 53.693.256.816 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 810.082.278 đồng
- Chi phí Tư vấn: 2.815.771.008 đồng
- Chi phí Khác: 2.926.554.518 đồng
- Chi phí GPMB: 15.500.000.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 4.109.653.380 đồng

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh (40%); ngân sách huyện và nguồn vốn huy động hợp pháp khác (60%).

11. Thời gian thực hiện: Năm (2015÷2017).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Hoa Lư, Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu VT, VP4/

B.30QĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Chung Phụng